

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Tháng 8 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Phạm Thế Chính	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020)
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thế Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc, phụ trách công tác Tài chính (bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2020, miễn nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2020)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phạm Thế Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thế Chinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số: 1090/2020/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2020, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

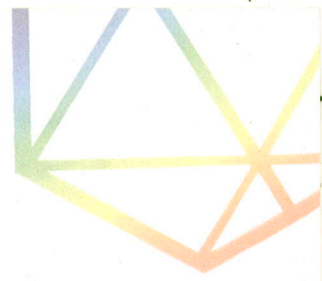
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Theo đó, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và kết luận báo cáo soát xét không có ghi chú ngoại trừ vào ngày 29 tháng 8 năm 2019.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.102.433.592.764	1.045.240.378.424
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.226.422.197	30.169.465.509
1. Tiền	111		926.422.197	2.059.465.509
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.300.000.000	28.110.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.575.911.215	29.572.394.358
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	33.575.911.215	29.572.394.358
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		981.842.273.962	956.236.999.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.290.979.516	31.050.198.677
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.693.297.512	6.753.797.512
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	172.369.443.331	152.369.443.331
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	783.244.370.838	775.324.919.933
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(9.755.817.235)	(9.261.360.322)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	26.990.135.846	26.969.736.134
1. Hàng tồn kho	141		26.990.135.846	26.969.736.134
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.798.849.544	2.291.783.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.332.670	27.211.857
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		173.818.251	305.214.227
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13a	1.614.698.623	1.959.357.208
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.183.046.774.365	3.128.213.475.682
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		336.319.815.975	326.374.958.704
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	231.425.250.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	104.894.565.975	94.949.708.704
II. Tài sản cố định	220		1.223.057.623	1.412.084.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.223.057.623	1.412.084.705
- Nguyên giá	222		3.112.044.571	3.112.044.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.888.986.948)	(1.699.959.866)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	2.845.503.900.767	2.800.426.432.273
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10a	2.054.598.823.206	2.016.398.823.206
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10b	790.905.077.561	780.517.609.067
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	3.510.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.285.480.367.129	4.173.453.854.106

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

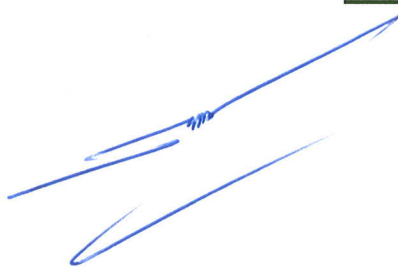
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.795.806.858.460	1.541.672.277.644
I. Nợ ngắn hạn	310		1.074.793.108.836	779.512.570.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	180.984.289.950	182.124.859.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	464.191.311.928	465.416.342.055
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13b	33.081.753	193.059.408
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.284.195.609	4.783.741.678
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	349.433.711.538	80.134.149.559
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	74.790.000.000	45.113.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.076.518.058	1.747.418.058
II. Nợ dài hạn	330		721.013.749.624	762.159.706.888
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	84.250.430.699	81.514.387.963
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	636.763.318.925	680.645.318.925
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.489.673.508.669	2.631.781.576.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.489.673.508.669	2.631.781.576.462
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		69.610.184.378	69.610.184.378
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		487.857.926.195	629.965.993.988
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		398.540.275.988	366.192.617.814
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		89.317.650.207	263.773.376.174
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.285.480.367.129	4.173.453.854.106



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Phạm Thế Chinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

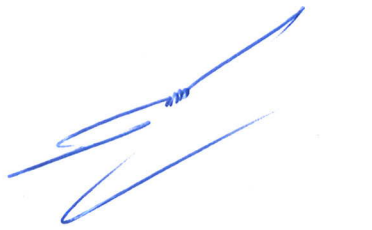
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	344.686.364	4.491.440.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	334.284.356
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	344.686.364	4.157.156.518
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	517.109.499	4.008.483.851
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(172.423.135)	148.672.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	116.768.688.766	223.327.770.014
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.823.990.947	56.002.937.997
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.823.990.947	55.330.582.997
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.323.623.986	5.694.397.998
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		88.448.650.698	161.779.106.686
10. Thu nhập khác	31	VI.6	1.238.668.838	600.000.000
11. Chi phí khác	32	VI.7	369.669.329	1.878.962.782
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		868.999.509	(1.278.962.782)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		89.317.650.207	160.500.143.904
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		89.317.650.207	160.500.143.904



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Kê toán trưởng




Phạm Thế Chinh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
		đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	89.317.650.207	160.500.143.904
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	189.027.082	191.556.948
Các khoản dự phòng	03	469.426.786	2.683.430.657
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(116.768.688.766)	(222.655.415.014)
Chi phí lãi vay	06	24.823.990.947	55.330.582.997
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.968.593.744)	(3.949.700.508)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.415.871.758	234.323.618
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(20.399.712)	(467.048.185)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.628.488.840)	664.196.336
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	16.879.187	12.259.257
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.710.739.291)	(17.440.814.169)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(670.900.000)	(763.852.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.566.370.642)	(21.710.636.151)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.493.516.857)	(24.694.442.380)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	1.374.227.094
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(48.587.468.494)	(44.870.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	136.909.312.681	89.108.417.142
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	67.828.327.330	20.918.201.856

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.205.000.000)	(12.854.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.205.000.000)	(12.854.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	28.056.956.688	(13.646.434.295)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.169.465.509	83.089.108.096
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	58.226.422.197	69.442.673.801



Dương Thị Nhung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chính
Kê toán trưởng



Phạm Thế Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CIH"), trụ sở chính tại 3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,4%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 11 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 16).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên doanh				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)*Góp vốn liên doanh* (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	926.422.197	2.059.465.509
Các khoản tương đương tiền	57.300.000.000	28.110.000.000
Cộng	58.226.422.197	30.169.465.509

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm 15 tỷ đồng tiền gửi đang được dùng để bảo lãnh thực hiện công trình.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
a. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	33.575.911.215	33.575.911.215	29.572.394.358	29.572.394.358
b. Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.510.000.000	3.510.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan (i)	3.780.751.531	3.281.596.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.945.801.731	2.945.801.731
Các khách hàng khác	11.518.945.513	13.777.319.674
Cộng	29.290.979.516	31.050.198.677

(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.320.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	431.312.458	431.312.458
Công ty CII	379.155.000	-
Cộng	3.780.751.531	3.281.596.531

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (i)	5.820.497.512	5.820.497.512
Nhà cung cấp khác	872.800.000	933.300.000
Cộng	6.693.297.512	6.753.797.512

(i) Khoản trả trước cho công ty Khánh An liên quan đến việc mua phần vốn góp của Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan		
Công ty CII (i)	124.646.443.331	105.646.443.331
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (ii)	39.500.000.000	39.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (iii)	5.943.000.000	4.943.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	2.280.000.000	2.280.000.000
	172.369.443.331	152.369.443.331
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (iv)	231.425.250.000	231.425.250.000
	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng	403.794.693.331	383.794.693.331

- (i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 với lãi suất được hưởng trong kỳ là 11%/năm.
- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Ninh Thuận theo hợp đồng ký ngày 5 tháng 12 năm 2017, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 6 tháng 12 năm 2020, lãi suất áp dụng trong kỳ là 9,8%/năm.
- (iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII theo hợp đồng ký ngày 17 tháng 7 năm 2019 với thời hạn là 1 năm, khoản này sẽ đáo hạn vào ngày 17 tháng 7 năm 2020, lãi suất áp dụng trong kỳ là 9,5%/năm.
- (iv) Khoản phải thu theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc để góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Doanh nghiệp dự án"). Ngày đáo hạn của hợp đồng là 30 tháng 6 năm 2021. Lãi suất cố định là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo là cổ phần mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc sở hữu tại Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Tuần Lộc sẽ chính thức chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Doanh nghiệp dự án đang đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo mục tiêu hoàn thành dự án vào quý II năm 2021. Với thỏa thuận hưởng lợi nhuận trên tỷ suất cố định của hợp đồng BOT thì nhà đầu tư không bị tổn thất giá trị. Bên cạnh đó, theo hợp đồng đã ký kết thì Công ty là người nắm giữ quyền, khi dự án hoàn thành thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuần Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Dựa trên những đánh giá này, Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ mua lại theo thỏa thuận đã ký kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Phải thu khác**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	778.539.179.898	773.686.894.885
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	2.295.071.175	826.253.964
Các khoản chi hộ	69.481.334	164.549.243
Phải thu người lao động	77.350.000	77.350.000
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	2.249.288.431	555.871.841
	783.244.370.838	775.324.919.933
b. Dài hạn		
Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	104.894.565.975	94.949.708.704
	104.894.565.975	94.949.708.704
Cộng	888.138.936.813	870.274.628.637

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	778.539.179.898	773.686.894.885
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	407.927.010.156	375.178.025.858
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	156.165.625.992	182.696.744.422
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	135.756.041.231	137.121.622.086
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	78.690.502.519	78.690.502.519
Phải thu lãi từ các hợp đồng hỗ trợ vốn	1.670.642.997	361.978.540
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	999.708.887	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	415.324.471	284.819.804
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	255.609.639	77.158.736
Các khoản phải thu khác	100.000.000	100.000.000
Khoản phải thu phụ cấp HĐTV của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	100.000.000	100.000.000
Cộng	780.309.822.895	774.148.873.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.512.753.223	626.735.988	(8.886.017.235)	9.287.236.118
Trả trước cho người bán ngắn hạn	869.800.000	-	(869.800.000)	19.800.000
Cộng	10.382.553.223	626.735.988	(9.755.817.235)	9.307.036.118
				45.675.796
				(9.241.560.322)
				(19.800.000)
				(9.261.360.322)

8. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.878.835.846	-	26.858.436.134	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	25.207.545.926	-	25.207.545.926	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	1.671.289.920	-	1.650.890.208	-
Hàng hóa	111.300.000	-	111.300.000	-
Cộng	26.990.135.846	-	26.969.736.134	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 30/06/2020	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	599.183.659	1.100.776.207	1.699.959.866
Khấu hao trong kỳ	42.872.464	146.154.618	189.027.082
Tại ngày 30/06/2020	642.056.123	1.246.930.825	1.888.986.948
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	255.575.997	1.156.508.708	1.412.084.705
Tại ngày 30/06/2020	212.703.533	1.010.354.090	1.223.057.623

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Mẫu B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính

	30/06/2020				01/01/2020			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		580.705.833.333	-	(i)		542.505.833.333	-	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	54.060.000	540.600.000.000	-	(i)	54.060.000	540.600.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	-	(i)	28.700.000	335.996.028.454	-	(i)
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	(i)		242.278.623.284	-	(i)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	(i)	21.998.000	219.980.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiến		106.590.000.000	-			106.590.000.000	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.498.835	28.448.338.135	-	(i)	2.498.835	28.448.338.135	-	(i)
Cộng		2.054.598.823.206				2.016.398.823.206		
b. Đầu tư vào công ty liên doanh								
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	77.141.770	790.905.077.561	-	(i)	77.141.770	780.517.609.067	-	(i)
Cộng		790.905.077.561				780.517.609.067		

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên chưa được xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thông nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (i)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	10.590.000.000	10.590.000.000	10.590.000.000	10.590.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	9.427.804.089	9.427.804.089	10.381.323.089	10.381.323.089
Các nhà cung cấp khác	2.193.184.059	2.193.184.059	2.380.235.107	2.380.235.107
Cộng	180.984.289.950	180.984.289.950	182.124.859.998	182.124.859.998

(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan

Công ty CII	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
-------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Khách hàng khác	1.340.931.928	2.565.962.055
Cộng	464.191.311.928	465.416.342.055

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận hứa mua, hứa bán cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	437.267.068	-	-	437.267.068
Tiền thuế đất nộp thừa	344.658.585	344.658.585	-	-
Cộng	1.959.357.208	344.658.585	-	1.614.698.623
b. Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	193.059.408	358.576.308	518.553.963	33.081.753
Các khoản khác	-	84.657.771	84.657.771	-
Cộng	193.059.408	443.234.079	603.211.734	33.081.753

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.039.195.609	4.443.741.678
Chi phí phải trả khác	245.000.000	340.000.000
Cộng	4.284.195.609	4.783.741.678

15. Phải trả khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	231.425.718.000	-
Khoản nhận trước lợi nhuận (i)	92.781.500.895	54.681.500.895
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	230.416.667	-
Các khoản phải trả khác	7.725.976	464.298.664
	349.433.711.538	80.134.149.559
b. Dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	78.150.430.699	76.014.387.963
Các khoản thu hộ	6.100.000.000	5.500.000.000
	84.250.430.699	81.514.387.963
Cộng	433.684.142.237	161.648.537.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**15. Phải trả khác** (tiếp theo)

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII	78.380.847.366	76.014.387.963
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	92.781.500.895	54.681.500.895
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	24.988.350.000
Cộng	196.150.698.261	155.684.238.858

- (i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuế tài chính**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Công ty Cii	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b</i>)	64.790.000.000	64.790.000.000			45.113.000.000	45.113.000.000
Cộng	74.790.000.000	74.790.000.000	10.000.000.000	-	45.113.000.000	45.113.000.000
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Công ty Cii	385.708.750.000	385.708.750.000	-	-	385.708.750.000	385.708.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	315.844.568.925	315.844.568.925	-	24.205.000.000	340.049.568.925	340.049.568.925
	(64.790.000.000)	(64.790.000.000)			(45.113.000.000)	(45.113.000.000)
Cộng	636.763.318.925	636.763.318.925	-	24.205.000.000	680.645.318.925	680.645.318.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty CII	10.000.000.000	1 năm	13/04/2021	Lãi suất trong năm là 10,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
Vay dài hạn						
Công ty CII	385.708.750.000	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	180.275.000.000	8,5 năm	25/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,5%-10,6%	Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ các khoản đầu tư
	135.569.568.925	7 năm	02/12/2022		Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	
	315.844.568.925					

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	64.790.000.000	45.113.000.000
Trong năm thứ hai	123.102.000.000	101.669.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	513.661.318.925	578.976.318.925
Cộng	701.553.318.925	725.758.318.925
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(64.790.000.000)	(45.113.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	636.763.318.925	680.645.318.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	55.653.921.378	366.192.617.814	2.354.051.937.288
Lợi nhuận trong kỳ				160.500.143.904	160.500.143.904
Tại ngày 30/06/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	55.653.921.378	526.692.761.718	2.514.552.081.192
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	118.625.121.270	118.625.121.270
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	13.956.263.000	(13.956.263.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.395.626.000)	(1.395.626.000)
Tại ngày 31/12/2019	1.928.547.650.000	3.657.748.096	69.610.184.378	629.965.993.988	2.631.781.576.462
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	89.317.650.207	89.317.650.207
Chia cổ tức	-	-	-	(231.425.718.000)	(231.425.718.000)
Tại ngày 30/06/2020	1.928.547.650.000	3.657.748.096	69.610.184.378	487.857.926.195	2.489.673.508.669

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 15 tháng 6 năm 2020 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 12% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	-	4.242.279.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	344.686.364	249.160.959
Cộng	344.686.364	4.491.440.874
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	(334.284.356)
Doanh thu thuần	344.686.364	4.157.156.518
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	344.686.364	246.197.914

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	-	3.907.995.559
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	517.109.499	100.488.292
Cộng	517.109.499	4.008.483.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	94.952.285.013	181.134.363.989
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.816.403.753	42.193.406.025
Cộng	116.768.688.766	223.327.770.014

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty con	94.952.285.013	181.134.363.989
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	32.748.984.298	119.728.351.230
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	38.734.419.145	29.982.223.541
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	23.468.881.570	31.423.789.218
Lãi hỗ trợ vốn	8.494.458.183	5.371.402.059
Công ty CII	6.151.338.322	2.824.582.668
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.957.005.555	2.463.611.109
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	130.504.667	83.208.282
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	255.609.639	-
Cộng	103.446.743.196	186.505.766.048

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	24.823.990.947	55.330.582.997
Lỗ do giải thể công ty con	-	672.355.000
Cộng	24.823.990.947	56.002.937.997

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	8.517.797.725	32.676.488.976
-------------	---------------	----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.065.190.492	1.965.708.743
Chi phí đồ dùng văn phòng	150.329.325	185.923.405
Chi phí khấu hao	20.297.226	22.797.228
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	469.426.786	2.683.430.657
Chi phí thuê văn phòng	187.500.000	297.000.000
Chi phí tiếp khách	100.745.621	136.052.828
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	330.134.536	403.485.137
Cộng	3.323.623.986	5.694.397.998

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	245.682.182	367.218.845
--	-------------	-------------

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Thu nhập từ cho thuê xe	600.000.000	600.000.000
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	638.668.838	-
Cộng	1.238.668.838	600.000.000

Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	300.000.000	300.000.000
Cộng	600.000.000	600.000.000

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê xe	369.669.329	405.542.556
Giá trị của tài sản xây dựng dở dang bị thanh lý	-	1.473.420.226
Cộng	369.669.329	1.878.962.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	89.317.650.207	160.500.143.904
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	14.016.108.897
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(94.952.285.013)	(181.134.363.989)
Thu nhập chịu thuế	(5.634.634.806)	(6.618.111.188)
Thu nhập tính thuế	(5.634.634.806)	(6.618.111.188)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, Chính phủ đã công bố Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ("NĐ 68") sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. NĐ 68 có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2019, trong đó cho phép các doanh nghiệp áp dụng hồi tố cho các năm 2017 và 2018. Phần chênh lệch giữa số thuế phát sinh khi áp dụng NĐ 68 so với NĐ 20 được phép giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020.

Việc áp dụng Nghị định 68 làm cho khoản lỗ tính thuế được điều chỉnh bổ sung cho các năm 2017, 2018 và 2019 là 123.459.546.830 VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các khoản lỗ tính thuế được mang sang với tổng giá trị là 339.223.821.271 VND, chi tiết như sau:

Bảng theo dõi số lỗ tính thuế được mang sang

Năm phát sinh	Giá trị (VND)
2015	77.820.430.193
2016	66.601.202.626
2017	88.368.079.456
2018	74.965.695.636
2019	31.468.413.360
Tổng	339.223.821.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	10.000.000.000	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	49.000.000.000	23.800.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	30.000.000.000	1.374.227.094
Thu lãi hỗ trợ vốn	-	925.772.906
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận thanh toán cổ tức	50.000.000.000	51.000.000.000
Thu lãi hỗ trợ vốn	957.296.668	2.277.222.220
Thu tiền cho thuê xe	330.000.000	330.000.000
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền góp vốn	38.200.000.000	44.870.000.000
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Nhận thanh toán cổ tức	40.100.000.000	11.800.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	38.100.000.000	20.651.573.259
Thu tiền dịch vụ tư vấn thu phí giao thông	-	395.200.248
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG		
Thu tiền cho thuê xe	330.000.000	330.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Thanh toán tiền thuê văn phòng	270.250.400	819.395.980
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Chi tiền hỗ trợ vốn	-	412.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:		
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lương và thưởng	1.613.396.476	1.544.056.200

2. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.

Dương Thị Nhung
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Chính
 Kế toán trưởng

Phạm Thế Chính
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020